

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ JÚT  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/KDTM-ST  
Ngày: 03/02/2021.  
“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT - TỈNH ĐẮK NÔNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lộc Thị Vinh.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Tấn và bà Lê Thị Hòa
- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Ngô Thị Vân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cư Jút.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2020/TLST-KDTM ngày 09/10/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-KDTM ngày 31 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Z (tên viết tắt: V, sau đây viết tắt là V).

Trụ sở chính: Số A đường B, Quận K, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T1 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng T – Phó Giám đốc Ngân hàng Z – Chi nhánh Đắk Lắk (Giấy ủy quyền số: 811/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 16/11/2018); Địa chỉ: Số D đường N, phường J, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

*Bị đơn:* Công ty TNHH MTV TM&DV S. (Sau đây viết tắt là: Công ty S).

Trụ sở: Số G đường M, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn H – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: P, tổ R, khối Y, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Hoàng Văn U và bà Đinh Thị O.

Nơi ĐKKHKT: Thôn I, xã X, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Trú tại: Số G đường M, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khánh L – Địa chỉ: Số U1 đường Q,

thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. (Giấy ủy quyền ngày 21/10/2020) – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Z (V) trình bày:*

Z - Chi nhánh Đắk Lắk và công ty S có ký kết và cho công ty S vay vốn theo các hợp đồng tín dụng/ hợp đồng cho vay từng lần cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng 15.20.0100/2015 – HĐTD/NHCT502-HOANGSON DAKNONG ngày 27/10/2015: Với số tiền vay 2.770.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm bảy mươi triệu đồng), số tiền gốc đã trả nợ 2.631.500.000 đồng, dư nợ còn lại tạm tính đến hết ngày 17/8/2020 là: tiền gốc 138.500.000 đồng, nợ lãi phát sinh 45.191.563 đồng, lãi phạt phát sinh 2.837.953 đồng; Mục đích vay vốn: thanh toán tiền mua xe ô tô khách phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách; thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 28/10/2019) với lịch trả nợ gốc chia làm 20 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng, 138.500.000đ/kỳ; lãi suất cho vay: thả nổi, áp dụng thời điểm giải ngân là 6.89%/năm, lãi suất hiện tại 10.5%/năm, lãi phạt nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; thời hạn chuyển nợ quá hạn từ ngày 25/10/2019.

2. Hợp đồng tín dụng 16.20.0045/2016 – HĐTD/NHCT502-HOANGSON DAKNONG ngày 07/6/2016: Với số tiền vay 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng), số tiền gốc đã trả nợ 3.200.000.000 đồng, dư nợ còn lại tạm tính đến hết ngày 17/8/2020 là: tiền gốc 84.299.807 đồng, nợ lãi phát sinh 6.333.267 đồng; Mục đích vay vốn: thanh toán tiền mua xe ô tô khách phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách; thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 07/6/2016) với lịch trả nợ gốc chia làm 20 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng, 200.000.000đ/kỳ; lãi suất cho vay: thả nổi, áp dụng thời điểm giải ngân là 7.5%/năm, lãi suất hiện tại 10.5%/năm, lãi phạt nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; thời hạn chuyển nợ quá hạn từ ngày 25/10/2019.

3. Hợp đồng tín dụng 16.20.0054/2016 – HĐTD/NHCT502-HOANGSON DAKNONG ngày 27/7/2016 và văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 16.20.0054/2016 – HĐTD/NHCT502-HOANGSON DAKNONG ngày 01/7/2020: Với số tiền vay 5.750.000.000 đồng (Năm tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng), số tiền gốc đã trả nợ 4.600.000.000 đồng, dư nợ còn lại tạm tính đến hết ngày 17/8/2020 là: tiền gốc 1.150.000.000 đồng, nợ lãi phát sinh 19.456.500 đồng, lãi phạt phát sinh 12.741.461; Mục đích vay vốn: thanh toán tiền mua xe ô tô khách phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách; thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 27/7/2016) với lịch trả nợ gốc chia làm 20 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng, 287.500.000đ/kỳ; lãi suất cho vay: thả nổi, áp dụng thời điểm giải ngân là 7.3%/năm, lãi suất hiện tại 10.5%/năm, lãi phạt nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; thời hạn chuyển nợ quá hạn từ ngày 25/10/2019.

4. Hợp đồng tín dụng 17.20.0005/2017 – HĐTD/NHCT502-HOANGSON DAKNONG ngày 05/01/2017 và văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 17.20.0005/2017 – HĐTD/NHCT502-HOANGSON DAKNONG ngày 01/7/2020: Với số tiền vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), số tiền gốc đã trả nợ 700.000.000 đồng, dư nợ còn lại tạm tính đến hết ngày 17/8/2020 là: tiền gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi phát sinh 42.335.416 đồng, lãi phạt phát sinh 2.063.573 đồng; Mục đích vay

vốn: thanh toán tiền mua xe ô tô phục vụ hoạt động đi lại của doanh nghiệp; thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 06/01/2017) với lịch trả nợ gốc chia làm 20 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng, 50.000.000đ/kỳ; lãi suất cho vay: thả nổi, áp dụng thời điểm giải ngân là 7.9%/năm, lãi suất hiện tại 10.5%/năm, lãi phạt nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; thời hạn chuyển nợ quá hạn từ ngày 25/10/2019.

5. Hợp đồng cho vay từng lần số 17.20.0073/2017-HĐCVTL/NHCT502-HOANGSON DAKNONG ngày 22/11/2017 và văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng cho vay từng lần số 17.20.073/2017 – HĐCVTL/NHCT502-HOANGSON DAKNONG ngày 01/7/2020: Với số tiền vay 5.750.000.000 đồng (Năm tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng), số tiền gốc đã trả nợ 2.587.500.000 đồng, dư nợ còn lại tạm tính đến hết ngày 17/8/2020 là: tiền gốc 3.162.500.000 đồng, nợ lãi phát sinh 282.652.344 đồng, lãi phạt phát sinh 6.419.039 đồng; Mục đích vay vốn: thanh toán tiền mua xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách; thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 23/11/2017) với lịch trả nợ gốc chia làm 20 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng, 287.500.000đ/kỳ; lãi suất cho vay: thả nổi, áp dụng thời điểm giải ngân là 7.3%/năm, lãi suất hiện tại 10.5%/năm, lãi phạt nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; thời hạn chuyển nợ quá hạn từ ngày 25/10/2019.

6. Hợp đồng cho vay từng lần số 18.66.005/2018-HĐCVTL/NHCT502-HOANGSON DAKNONG ngày 27/4/2018: Với số tiền vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), số tiền gốc đã trả nợ 450.000.000 đồng, dư nợ còn lại tạm tính đến hết ngày 17/8/2020 là: tiền gốc 550.000.000 đồng, nợ lãi phát sinh 45.345.501 đồng, lãi phạt phát sinh 1.541.936 đồng; Mục đích vay vốn: Sửa chữa xe ô tô **phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải**; thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày **tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên (ngày 27/4/2018)** với lịch trả nợ gốc chia làm 20 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng, 50.000.000đ/kỳ; lãi suất cho vay: thả nổi, áp dụng thời điểm giải ngân là 8.5%/năm, lãi suất hiện tại 10.5%/năm, lãi phạt nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; thời hạn chuyển nợ quá hạn từ ngày 25/10/2019.

7. Hợp đồng cho vay từng lần số 18.66.042/2018-HĐCVTL/NHCT502-HOANGSON DAKNONG ngày 22/11/2018: Với số tiền vay 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), số tiền gốc đã trả nợ 200.000.000 đồng, dư nợ còn lại tạm tính đến hết ngày 17/8/2020 là: tiền gốc 400.000.000 đồng, nợ lãi phát sinh 19.534.731 đồng, lãi phạt phát sinh 629.977 đồng; Mục đích vay vốn: Sửa chữa xe ô tô **phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải**; thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày **tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên (ngày 22/11/2018)** với lịch trả nợ gốc chia làm 60 kỳ, mỗi kỳ 01 tháng, 10.000.000đ/kỳ; lãi suất cho vay: thả nổi, áp dụng thời điểm giải ngân là 9%/năm, lãi suất hiện tại 10.5%/năm, lãi phạt nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; thời hạn chuyển nợ quá hạn từ ngày 25/10/2019.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, công ty S đã ký kết các Hợp đồng thế chấp tài sản số 15.20.0100/HĐTC ngày 27/10/2015; Hợp đồng thế chấp tài sản số 17.20.0005/HĐTC ngày 05/01/2017; Hợp đồng thế chấp tài sản số 17.20.0073/HĐTC ngày 22/11/2017; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 16.20.0045/HĐTC ngày 06/6/2016 và thế chấp tại V các tài sản gồm: 01 (một) xe ô tô BKS 48B-004.15, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 002227 do CA tỉnh Đắk Nông cấp ngày 26/10/2015; 01 (một) xe ô tô BKS 48A-053.91, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005468 do CA tỉnh Đắk Nông cấp ngày 05/01/2017; 01

(một) xe ô tô BKS 48B-006.17, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007789 do CA tỉnh Đắk Nông cấp ngày 21/11/2017; 01 (một) xe ô tô BKS 48B-006.88, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007792 do CA tỉnh Đắk Nông cấp ngày 21/11/2017 và 01 (một) thửa đất số 1037, tờ bản đồ số 10, diện tích 1711,0m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, công ty S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo như nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng; ngân hàng đã nhiều lần gửi các công văn đốc thúc trả nợ nhưng công ty S vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc công ty S phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như nội dung hợp đồng đã thỏa thuận, tính đến hết ngày 17/8/2020 công ty S còn nợ lại của V số tiền tạm tính là 7.072.383.068 đồng, trong đó: Nợ gốc 6.501.000.000 đồng; Nợ lãi phát sinh 538.815.862 đồng; Lãi phạt 32.567.206 đồng và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên phát mại xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để đảm bảo cho việc thi hành án.

*Bị đơn Công ty S, người đại diện theo pháp luật ông Trần Văn H:* Mặc dù đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại các buổi làm việc tại Tòa án đều vắng mặt, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 31/12/2020 người đại diện theo pháp luật của bị đơn có đơn xin hoãn phiên tòa. Trong đơn xin hoãn phiên tòa, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cụ thể nào khác và không có yêu cầu phản tố. Ngày 18/01/2021 Công ty S có đơn đề nghị và cam kết trả nợ nhưng đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn vẫn chưa trả cho V được số tiền nào.

*Quá trình làm việc tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn U và bà Đinh Thị O, ông Nguyễn Khánh L trình bày:* Ông Hoàng Văn U và bà Đinh Thị O thừa nhận có việc Công ty S vay vốn tại Ngân hàng V. Hiện nay Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Công ty S trả nợ và xử lý tài sản thế chấp thì ông U và bà O đồng ý xử lý các tài sản là 01 (một) xe ô tô BKS 48B-004.15, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 002227 do CA tỉnh Đắk Nông cấp ngày 26/10/2015; 01 (một) xe ô tô BKS 48A-053.91, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005468 do CA tỉnh Đắk Nông cấp ngày 05/01/2017; 01 (một) xe ô tô BKS 48B-006.17, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007789 do CA tỉnh Đắk Nông cấp ngày 21/11/2017; 01 (một) xe ô tô BKS 48B-006.88, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007792 do CA tỉnh Đắk Nông cấp ngày 21/11/2017. Nếu các tài sản trên không đủ để thu hồi nợ cho ngân hàng thì ông U, bà O đồng ý xử lý tiếp tài sản 01 (một) thửa đất số 1037, tờ bản đồ số 10, diện tích 1711,0m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông để thu hồi nợ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và nội dung giải quyết vụ án:*

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng* của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan; từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn, đã được Tòa án án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại phiên tòa sơ thẩm vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do; do đó việc Hội đồng xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ lại theo như các nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản nợ trên, thì V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên phát mại xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật toàn bộ tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về quyền khởi kiện:* V – chi nhánh Đắc Lắc ký kết các hợp đồng tín dụng với công ty S; quá trình thực hiện hợp đồng công ty S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, các khoản vay đều đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 25/10/2019. Do đó việc V khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ lại là đảm bảo quyền khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo các hợp đồng tín dụng/ hợp đồng vay từng lần được ký kết giữa V – chi nhánh Đắc Lắc với công ty S mục đích vay vốn đều nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Hợp đồng được ký kết giữa các bên hoàn toàn tự nguyện, đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận; do đó đây là vụ án kinh doanh thương mại, quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Bị đơn có trụ sở tại thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắc Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắc Nông theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về tố tụng:* Bị đơn, đã được Tòa án án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại phiên tòa sơ thẩm vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do; do đó việc Hội đồng xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật. Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của các khoản vay của Công ty S với V – chi nhánh Đắc Lắc, ông Hoàng Văn U và bà Đinh Thị O đã thế chấp các tài sản là: Thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền trên đất số CA 889642 do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 24/5/2016 theo nội dung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 16.20.0045/HĐTC ngày 06/6/2016, do đó ông Hoàng Văn U và bà Đinh Thị O là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] *Về nội dung:*

[4.1] Về hợp đồng tín dụng:

Theo các hợp đồng tín dụng/hợp đồng vay từng lần được ký kết giữa V – chi nhánh Đắc Lắc và công ty S thể hiện V – chi nhánh Đắc Lắc cho công ty S vay làm nhiều lần với mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trong quá

trình thực hiện hợp đồng, công ty S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán về trả nợ vay được quy định trong hợp đồng; không thanh toán đúng hạn nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng và các khoản nợ đều chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 25/10/2019. Việc V yêu cầu công ty S thanh toán toàn bộ số nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (03/02/2021) là 7.412.934.952 đồng, trong đó: Nợ gốc 6.501.000.000 đồng; Nợ lãi phát sinh 856.171.782 đồng; lãi phạt quá hạn 55.763.170 đồng (*Kèm theo bảng kê chi tiết tính lãi kèm theo*) là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với nội dung thỏa thuận trong hợp đồng; **phù hợp với Điều 91, khoản 2 Điều 95** Luật các tổ chức tín dụng nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4.2] Về Hợp đồng thế chấp tài sản:

Để đảm bảo cho khoản vay trên, công ty S; ông Hoàng Văn U và bà Đinh Thị O đã ký kết các hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp tài sản số 15.20.0100/HĐTC ngày 27/10/2015; Hợp đồng thế chấp tài sản số 17.20.0005/HĐTC ngày 05/01/2017; Hợp đồng thế chấp tài sản số 17.20.0073/HĐTC ngày 22/11/2017; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 16.20.0045/HĐTC ngày 06/6/2016 để bảo đảm cho các khoản vay của công ty S tại V- chi nhánh Đắk Lắk.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp công ty S không thanh toán được khoản nợ cho V, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

Hợp đồng thế chấp đều được ký kết và chứng thực tại các văn phòng công chứng. Các bên ký hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối. Nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật và đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

Các bên đều thừa nhận, tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người thế chấp và không có tranh chấp với ai; Trình tự, thủ tục thế chấp tài sản của các bên thứ ba đúng quy định của pháp luật.

Do đó, V yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp công ty TNHH S không trả được nợ là phù hợp với Điều 355 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 56 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên được chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng:

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận do đó bị đơn phải hoàn trả số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do nguyên đơn đã nộp tại Tòa án theo quy định tại Điều 157, 158 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về án phí: Công ty S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 tương ứng với số tiền:  $112.000.000đ + (0,1\% \times 3.379.031.035 \text{ đ}) = 115.413.000 \text{ đồng}$ ; Nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 10, Điều 12 Nghị định



163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 1 Nghị định 11/2012/NĐ – CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 319; Điều 342; Điều 343; Điều 344; Điều 355 và Điều 721 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 317, 318, 324, 325, 463, 466, 468, 470 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Z (V).

Buộc Công ty TNHH MTV TM&DV S phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Z (V) số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 03/02/2021 là 7.412.934.952 đồng, trong đó: Nợ gốc 6.501.000.000 đồng; Nợ lãi phát sinh 856.171.782 đồng; lãi phạt quá hạn 55.763.170 đồng.

Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, Công ty TNHH MTV TM&DV S phải tiếp tục chịu khoản nợ lãi đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng: Hợp đồng tín dụng 15.20.0100/2015 – HĐTD/NHCT502-HOANGSON DAKNONG ngày 27/10/2015; Hợp đồng tín dụng 16.20.0045/2016 – HĐTD/NHCT502-HOANGSON DAKNONG ngày 07/6/2016; Hợp đồng tín dụng 16.20.0054/2016 – HĐTD/NHCT502-HOANGSON DAKNONG ngày 27/7/2016 và văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 16.20.0054/2016 – HĐTD/NHCT502-HOANGSON DAKNONG ngày 01/7/2020; Hợp đồng tín dụng 17.20.0005/2017 – HĐTD/NHCT502-HOANGSON DAKNONG ngày 05/01/2017 và văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 17.20.0005/2017 – HĐTD/NHCT502-HOANGSON DAKNONG ngày 01/7/2020; Hợp đồng cho vay từng lần số 17.20.0073/2017-HĐCVTL/NHCT502-HOANGSON DAKNONG ngày 22/11/2017 và văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng cho vay từng lần số 17.20.0073/2017 – HĐCVTL/NHCT502-HOANGSON DAKNONG ngày 01/7/2020; Hợp đồng cho vay từng lần số 18.66.005/2018-HĐCVTL/NHCT502-HOANGSON DAKNONG ngày 27/4/2018; Hợp đồng cho vay từng lần số 18.66.042/2018-HĐCVTL/NHCT502-HOANGSON DAKNONG ngày 22/11/2018.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng thương mại cổ phần Z (V) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH MTV TM&DV S không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản nợ trên, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Z (V) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mại xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật toàn bộ tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án như nội dung thể hiện trong các hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp tài sản số 15.20.0100/HĐTC ngày 27/10/2015; Hợp đồng thế chấp tài sản số 17.20.0005/HĐTC ngày 05/01/2017; Hợp đồng thế chấp tài sản số 17.20.0073/HĐTC ngày 22/11/2017; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 16.20.0045/HĐTC ngày 06/6/2016;

*Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:* Buộc Công ty TNHH MTV TM&DV S phải trả lại chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Z (V) với số tiền 5.200.000 đồng.

*Về án phí:* Công ty TNHH MTV TM&DV S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 115.413.000 đồng (*Một trăm mười lăm triệu, bốn trăm mười ba nghìn*

đồng).

Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần Z (V) toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 24.536.000 đồng, theo biên lai thu số 0003052 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

*Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký và đóng dấu)

**Lộc Thị Vinh**